

NGHỊ QUYẾT

**HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ TƯ (KHÓA XII)
về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến năm 2030**

Sau 5 năm thực hiện Kết luận số 02-KL/TU ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2020; các cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm chỉ đạo phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo định hướng đề ra. Ngành công nghiệp từng bước khẳng định vị trí, vai trò trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 11,93%/năm. Cơ cấu nội ngành phát triển theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng công nghiệp khai khoáng và tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến; nổi bật là chế biến nông, lâm sản và sản xuất kim loại. Một số sản phẩm công nghiệp sản xuất ổn định, có giá trị gia tăng cao, từng bước khẳng định thương hiệu trên thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như tỷ trọng của ngành trong cơ cấu kinh tế còn thấp; công tác quy hoạch, xúc tiến lựa chọn nhà đầu tư chưa đạt yêu cầu. Các ngành công nghiệp tiềm năng của tỉnh phát triển chưa tương xứng; thiếu sự gắn kết trong sản xuất chuỗi giá trị sản phẩm...

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Kết luận số 02-KL/TU ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI), thực hiện nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ tư (khóa XII) quyết nghị một số mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường; trong đó trọng tâm là chế biến nông lâm sản, công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, nhất là chế biến sâu kim loại màu (chì, kẽm); thu hút phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các trung tâm công nghiệp lớn phù hợp với điều kiện địa phương. Phát triển sản xuất công nghiệp theo chuỗi giá trị, xây dựng mối liên kết bền vững giữa ngành công nghiệp với nông nghiệp, dịch vụ. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất công nghiệp, nâng cao chất lượng, sản lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- GRDP khu vực công nghiệp tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 13%/năm. Khu vực công nghiệp chiếm 8-10% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Thu ngân sách từ khu vực công nghiệp giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 10%/năm.

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tối thiểu 4 cụm công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa; đảm bảo các cụm công nghiệp được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đạt tỷ lệ lấp đầy trên 60%.

2.2. Định hướng đến năm 2030

Phát triển công nghiệp một cách bền vững góp phần công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, phấn đấu đến năm 2030 tỷ trọng công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt trên 15%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể đối với phát triển sản xuất công nghiệp

- Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và quán triệt đầy đủ định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển công nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 (khóa XII).

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp; coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, đặc biệt là phát huy vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện nghị quyết. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về phát triển công nghiệp trong thời kỳ mới.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về công nghiệp

- Khẩn trương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành công nghiệp và các lĩnh vực liên quan để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo nền tảng cho thu hút đầu tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách thu hút đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh đảm bảo lợi thế so sánh so với các tỉnh trong khu vực. Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp của tỉnh theo quy định. Kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án thực hiện không đúng cam kết và theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm của các sở, ngành, chính quyền địa phương. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác xúc tiến đầu tư, thẩm định, lựa chọn nhà đầu tư và công nghệ trong sản xuất công nghiệp. Nâng cao khả năng phối hợp, điều tiết giữa các ngành có liên quan trong việc thu hút và thực hiện dự án đầu tư công nghiệp. Tạo điều kiện cho phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm sản, khoáng sản phục vụ chế biến sâu; ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, chế biến; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu để quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm...

- Liên kết chặt chẽ giữa tỉnh Bắc Kạn với các địa phương khác trong hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực; xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng liên vùng đồng bộ để phục vụ phát triển công nghiệp của tỉnh.

2. Thúc đẩy một số ngành, lĩnh vực công nghiệp trọng điểm

2.1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản gắn với tiềm năng, lợi thế địa phương

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến lâm sản, gắn với vùng nguyên liệu, trọng tâm là chế biến gỗ rừng trồng. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến dong riềng, gừng, nghệ, dược liệu, chế biến sản phẩm từ rau, hoa quả; tăng cường quản lý xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm rượu thủ công, thu hút đầu tư nhà máy sản xuất rượu quy mô công nghiệp. Thu hút đầu tư các cơ sở sản xuất thực phẩm, chế biến sản phẩm từ gia súc, gia cầm, gắn với vùng chăn nuôi tập trung.

- Xây dựng các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị gắn với hoạt động liên kết trong sản xuất; có cơ chế hỗ trợ nông dân, cơ sở chế biến trong hoạt động liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2.2. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng gắn với công tác bảo vệ môi trường

- Tập trung khai thác các khoáng sản mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế để phục vụ chế biến sâu, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao; trong đó, tổ chức khai thác, chế biến khoáng sản chì, kẽm và các sản phẩm đi kèm để nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm, phấn đấu đưa Bắc Kạn trở thành một trong những trung tâm sản xuất chì, kẽm của cả nước.

- Thúc đẩy các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu các công trình xây dựng cơ bản và các dự án đầu tư trên địa bàn. Khuyến khích đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới, tiên tiến đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng của địa phương và khu vực.

- Tăng cường công tác khảo sát, thăm dò, đánh giá trữ lượng sát thực tế có tính bao quát phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh; khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên.

2.3. Thu hút phát triển công nghiệp hỗ trợ, chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất và phân phối điện

- Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ có khả năng liên kết vùng và lợi thế địa phương; khuyến khích đầu tư dự án dệt may, da - giày, bao bì, các phụ kiện có sử dụng nhiều lao động.

- Tập trung nguồn lực đầu tư, cải tạo, nâng cấp các đường dây trung áp, bổ sung các trạm phân phối theo quy hoạch; tăng cường công tác quản lý, vận hành để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Đôn đốc triển khai Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia. Quan tâm phát triển các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, lợi thế địa phương với điều kiện giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái.

3. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp; chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp - làng nghề

3.1. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đồng bộ, đáp ứng phát triển công nghiệp. Chú trọng thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp bằng nguồn lực xã hội hóa, chủ động bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật một số cụm công nghiệp tại khu vực chưa có điều kiện thu hút đầu tư.

- Xử lý dứt điểm các dự án còn vướng mắc trên địa bàn tỉnh, nhất là tại Khu công nghiệp Thanh Bình (giai đoạn I) để có quỹ đất thu hút các nhà đầu tư mới có năng lực. Tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp được giao làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Thanh Bình - giai đoạn II và các cụm công nghiệp nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành theo cam kết.

3.2. Thu hút đầu tư các nguồn lực để phát triển công nghiệp

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, chủ động nắm bắt, tận dụng tối đa xu hướng dịch chuyển ngành, nghề gắn với dịch chuyển nguồn lực để tập trung thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư bên ngoài. Chú trọng thu hút nguồn vốn đầu tư FDI kết hợp với ưu tiên thu hút các dự án có giá trị gia tăng cao, công nghệ và mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng với cả nước.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ đầu tư, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp; nâng cao chất lượng lựa chọn nhà đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư đảm bảo thực hiện hiệu quả.

3.3. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp - làng nghề

Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với nông, lâm sản địa phương, tiến tới xây dựng và hình thành các làng nghề, sản phẩm truyền thống. Hỗ trợ xây dựng làng nghề tại các địa phương hiện đang có sản phẩm được thị trường chấp nhận, mở rộng phát triển sản xuất các sản phẩm, hàng hóa gắn với du lịch, dịch vụ.

4. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, quan tâm liên kết vùng; phát triển nguồn nhân lực chất lượng và lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sở hữu trí tuệ, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ trong các cơ sở sản xuất công nghiệp, giúp các doanh nghiệp giảm giá thành, dễ dàng tiếp cận các yếu tố đầu vào, thông tin, công nghệ, nguồn nhân lực góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra giá trị gia tăng và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước, hướng đến xuất khẩu.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp thông qua các chương trình hướng nghiệp, kế hoạch đào tạo nghề, xã hội hóa hoạt động đào tạo nghề, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động; chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo môi trường làm việc phù hợp với năng lực, trình độ của người lao động.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, đảng đoàn, ban cán sự đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình (kế hoạch) thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

2. Các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội: Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về phát triển công nghiệp trong tình hình mới.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung Nghị quyết đề ra.

4. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện.

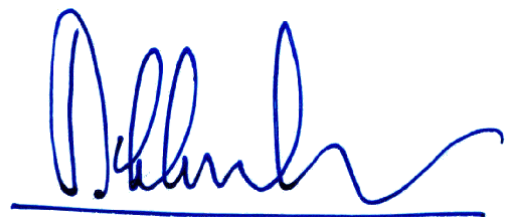
Nghị quyết này được phổ biến rộng rãi.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy và điện tử:

- Ban Bí thư Trung ương (báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo),
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành và các đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hoàng Duy Chinh

